

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 127/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2026

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghét

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Việt Phương

2. Bà Dương Việt Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 07 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2026/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Hoàng G, sinh ngày 20/11/1980

Địa chỉ: Ấp L, xã H, tỉnh Cà Mau

CCCD số: 095080000288; cấp ngày: 11/3/2021; nơi cấp: Cục C về TTXH

Bị đơn: Chị Trịnh Thị Tú A, sinh ngày 19/01/1981

Địa chỉ: Ấp L, xã H, tỉnh Cà Mau

CCCD số: 095181000313; cấp ngày 11/3/2021; nơi cấp: Cục C về TTXH

(Nguyên đơn, bị đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lê Hoàng G trình bày: Anh và chị Trịnh Thị Tú A xây dựng hôn nhân năm 2003, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh là tự nguyện.

Trong thời gian chung sống chồng anh xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình. Giữa anh và chị Trịnh Thị Tú A xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, vợ chồng

anh đã sống ly thân từ đầu năm 2026 đến nay. Vợ chồng anh không còn tình cảm với nhau nên anh yêu cầu ly hôn với chị Trịnh Thị Tú A.

Vợ chồng anh chung sống có 02 con chung là Trịnh Gia M, sinh ngày 03/10/2004 và Lê Gia Q, sinh ngày 12/9/2012. Cháu Gia M đã trưởng thành khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Lê Gia Q cho chị Tú A nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Trịnh Thị Tú A có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận; Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trịnh Thị Tú A trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh Lê Hoàng G về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng chị đã sống ly thân khoảng 06 tháng. Nay anh Lê Hoàng G yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn với anh Lê Hoàng G.

Vợ chồng chị có 02 con chung là Trịnh Gia M, sinh ngày 03/10/2004 và Lê Gia Q, sinh ngày 12/9/2012. Cháu Gia M đã trưởng thành khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Lê Gia Q. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Em Lê Gia Q trình bày ý kiến: Có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là Trịnh Thị Tú A.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 228, 238 BLTTDS đủ điều kiện xét xử.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Lê Hoàng G và chị Trịnh Thị Tú A là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Lê Gia Q, sinh ngày 12/9/2012 cho chị Trịnh Thị Tú A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Em Trịnh Gia M, sinh ngày 03/10/2004 đã trưởng thành khỏe mạnh nên không xem xét giải quyết. Anh Lê Hoàng G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Trịnh Thị Tú A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Lê Hoàng G và Chị Trịnh Thị Tú A thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Hoàng G và Chị Trịnh Thị Tú A thống nhất xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị Tú A có hộ khẩu thường trú tại ấp L (nay là ấp L), xã H, tỉnh Cà Mau. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Anh Lê Hoàng G, chị Trịnh Thị Tú A có yêu cầu xét xử vắng mặt, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G, chị Tú A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hoàng G và chị Trịnh Thị Tú A chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 9 và Điều 14 luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử không công nhận anh Lê Hoàng G và chị Trịnh Thị Tú A là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Lê Hoàng G và chị Trịnh Thị Tú A xác định vợ chồng chung sống có 02 con chung là Trịnh Gia M, sinh ngày 03/10/2004 và Lê Gia Q, sinh ngày 12/9/2012. Anh Lê Hoàng G và chị Trịnh Thị Tú A cùng thống nhất giao cháu Lê Gia Q cho chị Trịnh Thị Tú A tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng: đây là ý chí tự nguyện của đương sự và phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời chị Tú A có nơi ở và công việc, thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lê Gia Q cho chị Trịnh Thị Tú A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Em Trịnh Gia M đã trưởng thành khỏe mạnh, không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Anh Lê Hoàng G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Trịnh Thị Tú A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Lê Hoàng G và Chị Trịnh Thị Tú A thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Lê Hoàng G và Chị Trịnh Thị Tú A thống nhất xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Hoàng G phải chịu án phí 300.000 đồng.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 244, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Lê Hoàng G và chị Trịnh Thị Tú A là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Gia Q, sinh ngày 12/9/2012 cho chị Trịnh Thị Tú A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Em Trịnh Gia M, sinh ngày 03/10/2004 đã trưởng thành khỏe mạnh nên không đặt ra xem xét giải quyết. Anh Lê Hoàng G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Trịnh Thị Tú A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Hoàng G và Chị Trịnh Thị Tú A thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Lê Hoàng G và Chị Trịnh Thị Tú A thống nhất xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Hoàng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Anh G đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005506 ngày 05/5/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mỹ Ghết